

# Deloitte.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,  
VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ**  
*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 26



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Hoàng Dương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên
Ông Vũ Quang Dũng	Thành viên
Bà Lê Ngọc Diệp	Thành viên
Bà Thái Việt Anh	Thành viên
Ông Phạm Việt Thắng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016)

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Việt Anh	Giám đốc
Ông Bùi Đình Trung	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 04 tháng 3 năm 2016)
Ông Phạm Việt Thắng	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2016)
Ông Đào Việt Phương	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2016)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài



Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

**Nguyễn Việt Anh**  
Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2017

Số: 725 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2017, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như trình bày tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, chi phí phát sinh liên quan dự án sản xuất thử nghiệm Pin mặt trời bằng công nghệ hoá hơi dưới áp lực không khí ("Dự án") không được phê duyệt quyết toán theo Quyết định số 1459/QĐ-DKVN ngày 11 tháng 3 năm 2015 với số tiền 4.648.717.816 VND được trình bày vào khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Theo các quy định của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được phê duyệt quyết toán cần được ghi nhận vào khoản mục "Chi phí khác" trong năm 2015. Theo đó, nếu hạch toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được phê duyệt quyết toán được ghi nhận vào khoản mục "chi phí khác" trong năm 2015 thì khoản mục "Lỗi lũy kế đến cuối năm trước" và khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ tăng, giảm cùng một số tiền là 4.648.717.816 VND.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 7 và Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, số dư khoản mục "Phải thu ngắn hạn của khách hàng" và khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm khoản phải thu ngắn hạn khách hàng, phải thu ngắn hạn khác và tạm ứng cho nhân viên với tổng số tiền lần lượt là 2.911.814.995 VND và 1.684.746.600 VND, đã quá hạn thanh toán. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và tin tưởng có thể thu hồi được các khoản phải thu đã quá hạn nói trên và quyết định không trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Chúng tôi cũng không thể thu thập được các bằng chứng về khả năng thu hồi đối với các khoản phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, khoản phải thu ngắn hạn khác và khoản dự phòng cần trích lập hay không.

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 7 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, số dư khoản phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội ("PVC Hà Nội") theo hợp đồng kinh tế là 1.864.410.134 VND và đã quá hạn thanh toán. Tại ngày phát hành báo cáo này, PVC Hà Nội không xác nhận số dư khoản phải trả Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho khoản phải thu này với số tiền là 1.864.410.133 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Vũ Đức Nguyên**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0764-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho**

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 24 tháng 3 năm 2017

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Nguyễn Thanh Hương**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1415-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>50.474.662.617</b>	<b>53.477.426.461</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>13.939.379.311</b>	<b>24.130.971.520</b>
1. Tiền	111		6.939.379.311	8.230.971.520
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.000.000.000	15.900.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>19.900.000.000</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	19.900.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>15.918.776.791</b>	<b>22.401.443.959</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	11.163.404.617	20.670.459.091
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.603.553.350	484.262.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	4.016.228.957	3.871.906.418
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.864.410.133)	(2.625.183.550)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>105.278.819</b>	<b>6.305.615.403</b>
1. Hàng tồn kho	141		105.278.819	6.305.615.403
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>611.227.696</b>	<b>639.395.579</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	529.895.126	445.677.034
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	81.332.570	193.718.545
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>6.514.387.485</b>	<b>6.606.742.719</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>97.518.053</b>	<b>1.154.339.800</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	97.518.053	1.154.339.800
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>609.012.883</b>	<b>95.837.724</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	609.012.883	95.837.724
- Nguyên giá	222		6.323.805.801	6.713.240.354
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.714.792.918)	(6.617.402.630)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		576.586.085	576.586.085
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(576.586.085)	(576.586.085)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>4.648.717.816</b>	<b>4.648.717.816</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	4.648.717.816	4.648.717.816
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.159.138.733</b>	<b>707.847.379</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.159.138.733	707.847.379
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>56.989.050.102</b>	<b>60.084.169.180</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

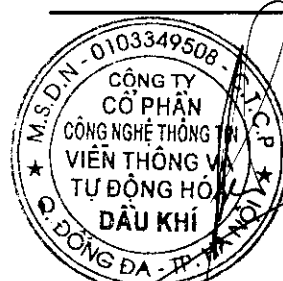
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>13.004.167.453</b>	<b>19.546.444.949</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>13.004.167.453</b>	<b>19.546.444.949</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	7.596.577.517	16.284.152.615
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.252.601.600	27.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	513.736.351	262.416.133
4. Phải trả người lao động	314		758.881.806	1.248.037.490
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	928.985.400	1.261.068.626
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		670.738.084	198.010.612
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	255.057.241	245.690.485
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		27.589.454	20.068.988
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>43.984.882.649</b>	<b>40.537.724.231</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>43.984.882.649</b>	<b>40.537.724.231</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.352.900.000	42.352.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.352.900.000	42.352.900.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		693.848.548	693.848.548
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		448.600.139	448.600.139
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ) lũy kế	421		489.533.962	(2.957.624.456)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(3.069.144.922)	(5.188.033.769)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		3.558.678.884	2.230.409.313
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>56.989.050.102</b>	<b>60.084.169.180</b>


Nguyễn Trung Kiên  
Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Lan  
Kế toán trưởngNguyễn Việt Anh  
Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	80.042.530.846	70.852.967.177
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	21	80.042.530.846	70.852.967.177
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	63.196.618.073	54.763.947.570
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		16.845.912.773	16.089.019.607
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.110.530.808	891.248.654
6. Chi phí tài chính	22		10.318.896	-
7. Chi phí bán hàng	25	25	1.577.123.595	1.432.055.641
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	12.223.682.308	12.629.283.309
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		4.145.318.782	2.918.929.311
10. Thu nhập khác	31		404.545.456	4.318.182
11. Chi phí khác	32		7.412.506	186.225.543
12. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		397.132.950	(181.907.361)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.542.451.732	2.737.021.950
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	983.772.848	506.612.637
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		3.558.678.884	2.230.409.313
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	840	500

Nguyễn Trung Kiên  
Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Lan  
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Anh  
Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này




**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>4.542.451.732</b>	<b>2.737.021.950</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	165.061.205	339.757.430
Các khoản dự phòng	03	(682.522.667)	555.404.694
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.510.530.808)	(891.248.654)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>2.514.459.462</b>	<b>2.740.935.420</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	8.535.971.299	11.423.202.430
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	6.200.336.584	(2.727.516.495)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(6.564.476.121)	(9.771.960.785)
Tăng giảm chi phí trả trước	12	(535.509.446)	185.714.637
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(969.094.689)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(104.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>9.077.687.089</b>	<b>1.850.375.207</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(678.236.364)	(55.080.000)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	400.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(26.800.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.900.000.000	-
5. Thu lãi tiền gửi	27	908.957.066	995.120.158
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(19.269.279.298)</b>	<b>940.040.158</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(10.191.592.209)</b>	<b>2.790.415.365</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	24.130.971.520	21.340.556.155
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	13.939.379.311	24.130.971.520

  
Nguyễn Trung Kiên  
Người lập biểu

  
Nguyễn Ngọc Lan  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Việt Anh  
Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103035042 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 02 năm 2009, thay đổi lần thứ chín ngày 25 tháng 9 năm 2014.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 90 người (31 tháng 12 năm 2015: 89 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: mua bán, cung cấp thiết bị trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, bao gồm: máy tính, mạng máy tính, thiết bị viễn thông, thiết bị truyền thông (âm thanh, ánh sáng, camera);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: mua bán, cung cấp, xây dựng các thiết bị, linh kiện điện tử, các thiết bị đo lường, điều khiển, các hệ thống giải pháp tự động hóa, các hệ thống, thiết bị điện lạnh, điện nhẹ, giám sát, cảnh báo, báo cháy nổ, chống sét, phòng và chữa cháy;
- Sửa chữa thiết bị khác. Chi tiết: Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, hỗ trợ vận hành trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, bao gồm: máy tính, mạng máy tính, thiết bị viễn thông, thiết bị truyền thông (âm thanh, ánh sáng, camera), các thiết bị, linh kiện điện tử, các thiết bị đo lường, điều khiển, các hệ thống giải pháp tự động hóa, các hệ thống, thiết bị điện lạnh, điện nhẹ, giám sát, cảnh báo, báo cháy nổ, chống sét, phòng và chữa cháy;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: cho thuê thiết bị trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, bao gồm: máy tính, mạng máy tính, thiết bị viễn thông, thiết bị truyền thông (âm thanh, ánh sáng, camera), các thiết bị, linh kiện điện tử, các thiết bị đo lường, điều khiển, các hệ thống giải pháp tự động hóa, các hệ thống, thiết bị điện lạnh, điện nhẹ, giám sát, cảnh báo, báo cháy nổ, chống sét, phòng và chữa cháy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết:
  - Xuất nhập khẩu các mặt hàng thuộc lĩnh vực kinh doanh của Công ty;
  - Sản xuất, chế tạo, lắp ráp các thiết bị thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa;
  - Nghiên cứu, tư vấn, thiết kế (không bao gồm thiết kế công trình), thẩm tra, tích hợp, đào tạo, cho thuê các trung tâm cơ sở dữ liệu (trừ bất động sản), các trung tâm phục hồi dữ liệu sau thảm họa, cung cấp các dịch vụ của trung tâm cơ sở dữ liệu và dịch vụ phục hồi dữ liệu;
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết:
  - Thiết kế, phát triển, gia công, cung cấp, phân phối, bảo hành, bảo trì, triển khai các sản phẩm và dịch vụ phần mềm;

## **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết (Tiếp theo):
  - Dịch vụ làm dữ liệu, cung cấp dịch vụ dữ liệu, tư vấn giải pháp, thiết kế xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình), bảo trì hệ thống cơ sở dữ liệu;
  - Cung cấp các nội dung, dịch vụ giá trị gia tăng và đại lý kinh doanh các dịch vụ giá trị gia tăng, công nghệ quảng cáo trực tuyến trên các hệ thống công nghệ thông tin và viễn thông;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận. Chi tiết: nghiên cứu, tư vấn, thiết kế (không bao gồm thiết kế công trình);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: sản xuất, chế tạo, lắp ráp các thiết bị thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: nghiên cứu, tư vấn, thẩm tra, tích hợp, đào tạo (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), chuyển giao công nghệ thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa.

### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### **Cấu trúc doanh nghiệp**

#### **Chi nhánh**

Công ty có 01 chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí.

### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## **3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### **Các khoản đầu tư tài chính**

###### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

##### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

##### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u> Số năm
Máy móc và thiết bị	3 - 5
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 10

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng trong vòng 2 - 3 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa cải tạo văn phòng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
Tiền mặt	348.038.355	449.479.890
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	6.586.777.067	7.781.491.630
Tiền đang chuyển	4.563.889	-
Các khoản tương đương tiền (ii)	7.000.000.000	15.900.000.000
	<b><u>13.939.379.311</u></b>	<b><u>24.130.971.520</u></b>

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn bao gồm số tiền 135.969.150 VND là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương đang bị hạn chế sử dụng. Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ sử dụng được trong tương lai khi có những quyết định/hướng dẫn cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

(ii) Các khoản tương đương tiền phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

**6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
Ngắn hạn	19.900.000.000	19.900.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	19.900.000.000	19.900.000.000	-	-
	<b>19.900.000.000</b>	<b>19.900.000.000</b>	-	-

(i) Tiền gửi có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc là 6 tháng tại các ngân hàng thương mại. Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 6 tỷ VND tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội có thể được sử dụng để thế chấp, bảo lãnh cho việc thực hiện các hợp đồng mua hàng hóa.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư tiền gửi có kỳ hạn bao gồm số tiền 1.900.000.000 VND là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương đang bị hạn chế sử dụng. Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ sử dụng được trong tương lai khi có những quyết định/hướng dẫn cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.364.394.932	3.901.441.386
Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT	3.382.743.647	3.619.507.297
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (a)	1.864.410.133	1.864.410.133
Công ty Cổ phần Xi Măng Công Thanh	1.289.456.395	1.289.456.395
Công ty TNHH MTV Lọc hóa Dầu Bình Sơn	860.052.766	189.529.860
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC (b)	840.746.600	890.746.600
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	-	3.033.131.940
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin Doanh nghiệp FPT	-	2.567.870.250
Công ty Cổ phần Tẩm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai	-	578.250.750
Các khách hàng khác	561.600.144	2.736.114.480
	<b>11.163.404.617</b>	<b>20.670.459.091</b>
<b>Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (được trình bày tại Thuyết minh số 29)</b>	<b>3.335.236.380</b>	<b>7.936.986.868</b>

a. Số dư phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội theo Hợp đồng "Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học phía Bắc" là 1.864.410.133 VND và đã quá hạn thanh toán. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho khoản phải thu trên với số tiền là 1.864.410.133 VND.

b. Số dư phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo hợp đồng cung cấp hệ thống điện nhẹ cho khách sạn Lam Kinh lần lượt là 840.746.600 VND và 890.746.600 VND, đã quá hạn thanh toán. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC đã ký cam kết thanh toán số nợ trong vòng 03 năm từ tháng 8 năm 2013. Đến ngày phát hành báo cáo này, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC đã thanh toán một phần công nợ nhưng không bằng số tiền cam kết theo thỏa thuận. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và khẳng định vẫn có thể thu hồi được khoản phải thu đã quá hạn nói trên và quyết định không trích lập dự phòng phải thu khó đòi.



**8. PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Tạm ứng cho nhân viên (i)	937.909.300	1.390.006.900
Ký cược, ký quỹ (ii)	1.100.139.648	161.530.593
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (iii)	1.646.068.395	1.646.068.395
Phải thu ngắn hạn khác	332.111.614	674.300.530
	<b>4.016.228.957</b>	<b>3.871.906.418</b>
<b><i>Trong đó: Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (được trình bày tại Thuyết minh số 29)</i></b>	<b>1.646.068.395</b>	<b>1.646.068.395</b>
<b>Phải thu dài hạn khác</b>		
Ký cược, ký quỹ (ii)	31.174.000	1.154.339.800
Phải thu dài hạn khác	66.344.053	-
	<b>97.518.053</b>	<b>1.154.339.800</b>

- (i) Số dư tạm ứng cho nhân viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm một số khoản tạm ứng cho nhân viên tồn đọng trong thời gian dài với số tiền lần lượt là 425.000.000 VND và 794.000.000 VND. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng, cũng như đã thực hiện các thủ tục thu hồi tích cực và tin tưởng rằng các khoản chi phí liên quan đến khoản tạm ứng cho nhân viên này đều phục vụ cho các hoạt động của Công ty, không có khoản tạm ứng nào có dấu hiệu không thu hồi hoặc không thực hiện hoàn ứng được. Do đó, Ban Giám đốc Công ty quyết định không trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản tạm ứng cho nhân viên nêu trên.
- (ii) Phản ánh các khoản ký quỹ bảo lãnh thực hiện các hợp đồng và thuê văn phòng.
- (iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015, số dư phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thể hiện số tiền còn phải thu liên quan đến Dự án Pin mặt trời theo Quyết định số 1459/QĐ-DKVN ngày 11 tháng 3 năm 2015 là 1.646.068.395 VND, đã quá hạn thanh toán. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và khẳng định vẫn có thể thu hồi được khoản phải thu đã quá hạn nói trên và quyết định không trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**9. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu khó có khả năng thu hồi</b>				
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	1.864.410.133	-	1.864.410.134	-
Công ty Cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai	-	-	578.250.750	-
Công ty TNHH Năng lượng Công nghệ	-	-	365.045.333	182.522.667
				Từ 01 năm đến 02 năm
	<b>1.864.410.133</b>	<b>-</b>	<b>2.807.706.217</b>	<b>182.522.667</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	5.136.772.410	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	105.278.819	-	1.168.842.993	-
	<b>105.278.819</b>	<b>-</b>	<b>6.305.615.403</b>	<b>-</b>

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Chi phí thuê văn phòng	345.668.400	348.377.400
Chi phí thuê mặt bằng	91.508.726	97.299.634
Chi phí bảo hiểm	92.718.000	-
	<b>529.895.126</b>	<b>445.677.034</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Chi phí trả trước dịch vụ bảo hành	931.342.900	-
Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng	-	361.201.546
Chi phí trả trước dài hạn khác	227.795.833	346.645.833
	<b>1.159.138.733</b>	<b>707.847.379</b>

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị văn phòng</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	5.289.204.634	1.307.136.364	116.899.356	6.713.240.354
Mua sắm mới	-	678.236.364	-	678.236.364
Thanh lý, nhượng bán	(640.170.917)	(427.500.000)	-	(1.067.670.917)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.649.033.717</b>	<b>1.557.872.728</b>	<b>116.899.356</b>	<b>6.323.805.801</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu năm	5.215.183.269	1.285.320.005	116.899.356	6.617.402.630
Trích khấu hao trong năm	30.205.452	134.855.753	-	165.061.205
Thanh lý, nhượng bán	(640.170.917)	(427.500.000)	-	(1.067.670.917)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.605.217.804</b>	<b>992.675.758</b>	<b>116.899.356</b>	<b>5.714.792.918</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày đầu năm	74.021.365	21.816.359	-	95.837.724
Tại ngày cuối năm	43.815.913	565.196.970	-	609.012.883

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 6.182.227.388 VND (31 tháng 12 năm 2015: 5.730.091.024 VND).

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Phần mềm vi tính</u>
	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu năm	576.586.085
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>576.586.085</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu năm	576.586.085
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>576.586.085</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày đầu năm	-
Tại ngày cuối năm	-

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chi tiêu	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Số phải nộp/phải thu	Số đã nộp/đã thu	
	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	193.718.545	-	112.385.975	81.332.570
	<b>193.718.545</b>	<b>-</b>	<b>112.385.975</b>	<b>81.332.570</b>
<b>Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	3.311.915.784	3.066.162.893	245.752.891
- Thuế GTGT đầu ra	-	2.799.617.515	2.553.864.624	245.752.891
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	512.298.269	512.298.269	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	235.788.836	983.772.848	969.094.689	250.466.995
Các loại thuế khác	26.627.297	113.704.065	122.814.897	17.516.465
Thuế môn bài	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	26.627.297	113.704.065	122.814.897	17.516.465
	<b>262.416.133</b>	<b>4.409.392.697</b>	<b>4.158.072.479</b>	<b>513.736.351</b>

**15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí phát sinh liên quan đến dự án sản xuất thử nghiệm Pin mặt trời bằng công nghệ hoá hơi dưới áp lực không khí ("Dự án") theo Hợp đồng hợp tác giữa Công ty với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("Tập đoàn") số 7454/HĐ-DKVN ngày 20 tháng 8 năm 2010. Theo đó, Tập đoàn góp vốn bằng tiền và Công ty góp vốn bằng nguồn nhân lực. Tổng chi phí phát sinh liên quan đến Dự án là 24.631.310.413 VND. Ngày 20 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn đã có Biên bản số 9871/BB-DKVN về việc phê duyệt Dự án với kết quả Dự án không đạt. Giá trị quyết toán được Tập đoàn phê duyệt tại Quyết định số 1459/QĐ-DKVN ngày 11 tháng 3 năm 2015 là 19.466.068.395 VND. Giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được duyệt quyết toán là 5.165.242.018 VND.

Ngày 03 tháng 12 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty ban hành Quyết định số 404/QĐ-HĐQT thông qua hướng xử lý với phần phát sinh vượt giá trị được quyết toán. Theo đó, (i) Ông Nguyễn Việt Hùng (nguyên Giám đốc Công ty) chịu trách nhiệm thanh toán 10% phần chi phí không được phê duyệt quyết toán với số tiền là 516.524.202 VND; (ii) 90% phần chi phí không được phê duyệt quyết toán với số tiền là 4.648.717.816 VND thuộc trách nhiệm chung của Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty vẫn đang theo dõi phần giá trị còn lại của dự án trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" với số tiền là 4.648.717.816 VND.

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>Giá trị/Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Giá trị/Số có khả năng trả nợ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Liên hiệp Khoa học Sản xuất Công nghệ cao Viễn thông Tin học (HTI)	1.354.526.065	390.576.699
Công ty TNHH Tân Hưng	755.400.000	827.641.716
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phần mềm SDIC	618.300.000	42.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Minh Anh	198.000.000	1.311.876.585
Specialised Products	-	6.265.725.410
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Giải pháp Công nghệ Cuộc sống	-	1.608.420.800
Các đối tượng khác	4.670.351.452	5.837.911.405
	<b>7.596.577.517</b>	<b>16.284.152.615</b>
<i>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (được trình bày tại Thuyết minh số 29)</i>	<b>502.334.964</b>	<b>207.265.799</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trích trước chi phí dự án Lam Kinh (i)	250.100.000	250.100.000
Tạm tính khối lượng hoàn thành dự án cổng thông tin PVN (ii)	221.000.000	221.000.000
Phí tư vấn cho dự án xi măng Công Thanh (iii)	150.000.000	150.000.000
Các khoản khác	307.885.400	639.968.626
	<b>928.985.400</b>	<b>1.261.068.626</b>

- (i) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là chi phí thi công và chi phí khác chưa được nghiệm thu quyết toán liên quan đến dự án triển khai hệ thống công nghệ thông tin cho khách sạn Lam Kinh Thanh Hóa phát sinh từ năm 2010 và hiện đang tạm dừng.
- (ii) Số dư chi phí phải trả dự án cổng thông tin PVN là chi phí phần mềm lõi PVN Portal và trang thông tin intraweb phiên bản 01 do Công ty Cổ phần VSE Dịch vụ Kỹ thuật cung cấp theo biên bản nghiệm thu hoàn thành ngày 31 tháng 12 năm 2015. Dự án này đã được tổng nghiệm thu quyết toán vào đầu năm 2017.
- (iii) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là chi phí dịch vụ tư vấn liên quan đến Dự án Xi măng Công thanh với Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Vật liệu Xây dựng theo biên bản nghiệm thu ngày 28 tháng 12 năm 2013. Dự án đang trong giai đoạn tổng nghiệm thu, quyết toán.

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u> <u>Giá trị/Số có</u> <u>khả năng trả nợ</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <u>Giá trị/Số có khả</u> <u>năng trả nợ</u> <b>VND</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	115.203.114	115.203.114
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	139.854.127	130.487.371
	<b>255.057.241</b>	<b>245.690.485</b>
<i>Trong đó: Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (được trình bày tại Thuyết minh số 29)</i>	<b>115.203.114</b>	<b>121.203.114</b>

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp</u> <u>của chủ sở hữu</u> <b>VND</b>	<u>Quỹ đầu tư</u> <u>phát triển</u> <b>VND</b>	<u>Quỹ khác thuộc</u> <u>vốn chủ sở hữu</u> <b>VND</b>	<u>(Lỗ) lũy kế/lợi nhuận</u> <u>sau thuế chưa phân phối</u> <b>VND</b>	<u>Cộng</u> <b>VND</b>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>42.352.900.000</b>	<b>629.057.511</b>	<b>448.600.139</b>	<b>(5.123.242.732)</b>	<b>38.307.314.918</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	2.230.409.313	2.230.409.313
Phân phối các quỹ	-	64.791.037	-	(64.791.037)	-
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>42.352.900.000</b>	<b>693.848.548</b>	<b>448.600.139</b>	<b>(2.957.624.456)</b>	<b>40.537.724.231</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	3.558.678.884	3.558.678.884
Phân phối các quỹ (*)	-	-	-	(111.520.466)	(111.520.466)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>42.352.900.000</b>	<b>693.848.548</b>	<b>448.600.139</b>	<b>489.533.962</b>	<b>43.984.882.649</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 258/NQ-PAIC-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt phương án chia lợi nhuận năm 2015 theo quy chế tài chính của Công ty. Theo đó, lợi nhuận sau thuế năm 2015 được trích 5% vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 111.520.466 VND.

**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	4.235.290	4.235.290
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	4.235.290	4.235.290

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103035042 thay đổi lần thứ chín ngày 25 tháng 9 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 42.352.900.000 VND, tương đương 4.235.290 cổ phần (mệnh giá 10.000 VND/cổ phần). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	sửa đổi		Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	%	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	21.960.000.000	51,85	21.960.000.000	21.960.000.000
Tổng Công ty Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC)	5.761.200.000	13,60	5.761.200.000	5.761.200.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	5.040.000.000	11,90	5.040.000.000	5.040.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	5.018.100.000	11,85	5.018.100.000	5.018.100.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	3.600.000.000	8,50	3.600.000.000	3.600.000.000
Cổ đông khác	973.600.000	2,30	973.600.000	973.600.000
	<b>42.352.900.000</b>	<b>100</b>	<b>42.352.900.000</b>	<b>42.352.900.000</b>

**20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Nợ khó đòi đã xử lý</b>	<b>231.088.413</b>	<b>152.837.663</b>
Công ty Cổ phần Liên Minh	152.837.663	152.837.663
Công ty Cổ phần Tầm lợi Vật liệu Xây dựng Đồng Nai	78.250.750	-

**21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng	35.097.253.536	36.217.798.979
Doanh thu cung cấp dịch vụ	44.945.277.310	34.635.168.198
	<b>80.042.530.846</b>	<b>70.852.967.177</b>
<b>Trong đó: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (được trình bày tại Thuyết minh số 29)</b>	<b>60.019.582.075</b>	<b>56.208.260.597</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	32.975.100.221	35.052.239.748
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	30.221.517.852	19.711.707.822
	<b>63.196.618.073</b>	<b>54.763.947.570</b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm nay</u> <b>VND</b>	<u>Năm trước</u> <b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	124.458.917	198.647.929
Chi phí nhân công	14.677.215.796	13.162.781.573
Chi phí khấu hao tài sản cố định	165.061.205	339.757.430
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.883.932.486	12.073.552.838
Chi phí khác bằng tiền	17.632.037.066	16.071.852.768
	<b>52.482.705.470</b>	<b>41.846.592.538</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u> <b>VND</b>	<u>Năm trước</u> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi	1.110.530.808	891.248.654
	<b>1.110.530.808</b>	<b>891.248.654</b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u> <b>VND</b>	<u>Năm trước</u> <b>VND</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.713.420.999	4.966.482.864
Lương, thưởng và các khoản trích theo lương	5.597.256.326	4.358.650.031
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.913.004.983	3.304.150.414
	<b>12.223.682.308</b>	<b>12.629.283.309</b>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Lương, thưởng và các khoản trích theo lương	758.867.756	886.456.012
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.205.452	193.151.366
Các khoản chi phí bán hàng khác	788.050.387	352.448.263
	<b>1.577.123.595</b>	<b>1.432.055.641</b>

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u> <b>VND</b>	<u>Năm trước</u> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	950.772.848	506.612.637
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	33.000.000	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>983.772.848</b>	<b>506.612.637</b>



**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>4.542.451.732</b>	<b>2.737.021.950</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	211.412.506	965.992.100
<b>Tổng thu nhập chịu thuế sau điều chỉnh</b>	<b>4.753.864.238</b>	<b>3.703.014.050</b>
Lỗ mang sang từ năm trước	-	(1.400.229.336)
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>4.753.864.238</b>	<b>2.302.784.714</b>
Thuế suất	20%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>950.772.848</b>	<b>506.612.637</b>

**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>3.558.678.884</b>	<b>2.230.409.313</b>
- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	-	111.520.466
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.558.678.884</b>	<b>2.118.888.847</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	4.235.290	4.235.290
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>840</b>	<b>500</b>

**28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các khoản cam kết như sau:

- Thuê 645 m<sup>2</sup> văn phòng tại tầng 17, tòa cao ốc văn phòng Icon 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, Hà Nội với thời hạn thuê 5 năm kể từ ngày 23 tháng 7 năm 2012.
- Thuê 267,827 m<sup>2</sup> văn phòng tại tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh với thời hạn thuê 3 năm kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2016.

**29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<b><u>Bên liên quan</u></b>	<b><u>Mối liên quan</u></b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	Công ty mẹ
Tổng Công ty Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC)	Bên góp vốn
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Dịch vụ khai thác Dầu khí PTSC	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí PVEP	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Cổ phần Dung dịch Khoan và Hoá phẩm Dầu khí	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Ban QLDA Điện lực Long Phú-Sông Hậu	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty khí Việt Nam - CTCP - Ban QLDA Khí Đông Nam Bộ	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Đường ống Tây Nam	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí Việt Nam	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cảng dịch vụ Dầu khí	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Viện Dầu khí Việt Nam	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

**29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> <b>VND</b>	<u>Năm trước</u> <b>VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>60.019.582.075</b>	<b>56.208.260.597</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	48.880.074.161	32.465.754.970
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Đường ống Tây Nam	5.228.230.400	-
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	3.586.985.494	3.396.381.569
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	522.497.500	16.141.798.818
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí PVEP	-	2.625.385.000
Một số bên liên quan khác	1.801.794.520	1.578.940.240
<b>Giá trị mua hàng</b>	<b>1.522.312.016</b>	<b>710.886.499</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	1.110.290.416	-
Viện Dầu khí Việt Nam	324.021.600	336.099.904
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	-	214.418.991
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Hà Nội	-	112.413.443
Một số bên liên quan khác	88.000.000	47.954.161

Thu nhập của Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát chuyên trách trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> <b>VND</b>	<u>Năm trước</u> <b>VND</b>
Lương và các khoản phúc lợi khác của Ban Giám đốc	1.007.191.964	662.437.500
Lương và các khoản phúc lợi khác của Ban kiểm soát chuyên trách	272.315.000	289.755.975

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>3.335.236.380</b>	<b>7.936.986.868</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.364.394.932	3.901.441.386
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	860.052.766	189.529.860
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	-	3.033.131.940
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	-	647.095.000
Một số bên liên quan khác	110.788.682	165.788.682
<b>Phải thu khác</b>	<b>1.646.068.395</b>	<b>1.646.068.395</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.646.068.395	1.646.068.395
<b>Phải trả nhà cung cấp</b>	<b>502.334.964</b>	<b>207.265.799</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	413.229.024	-
Viện Dầu khí Việt Nam	89.105.940	95.705.940
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	-	111.559.859
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>115.203.114</b>	<b>121.203.114</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	115.203.114	115.203.114
Tổng Công ty Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC)	-	6.000.000

**30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:**

Như trình bày tại Thuyết minh số 5 và số 6, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn bao gồm số tiền lần lượt là 135.969.150 VND, 1.900.000.000 VND là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương đang bị hạn chế sử dụng. Ban Giám đốc đánh giá các khoản tiền này sẽ sử dụng được trong tương lai khi có những quyết định/hướng dẫn cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.



Nguyễn Trung Kiên  
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Lan  
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Anh  
Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2017